

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 14/04 - 18/04/2025

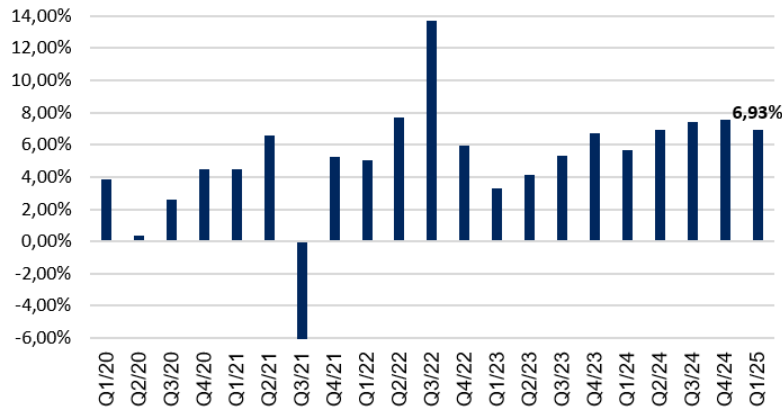


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

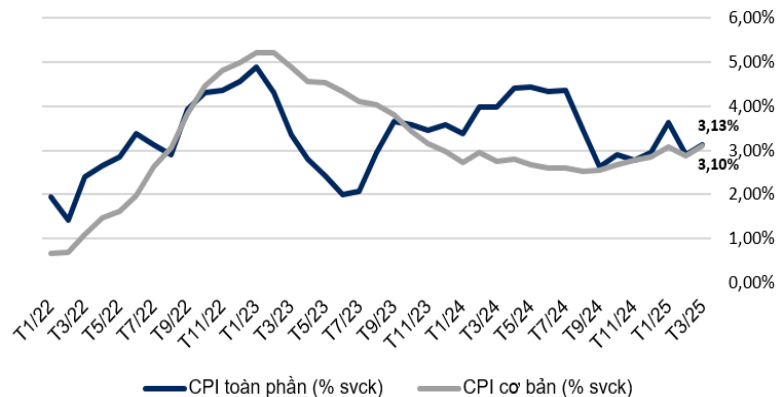


Việt Nam: Nhiều số liệu vĩ mô duy trì tích cực trong tháng 3 và quý 1.2025

Tăng trưởng GDP của VN



Số liệu lạm phát của Việt Nam

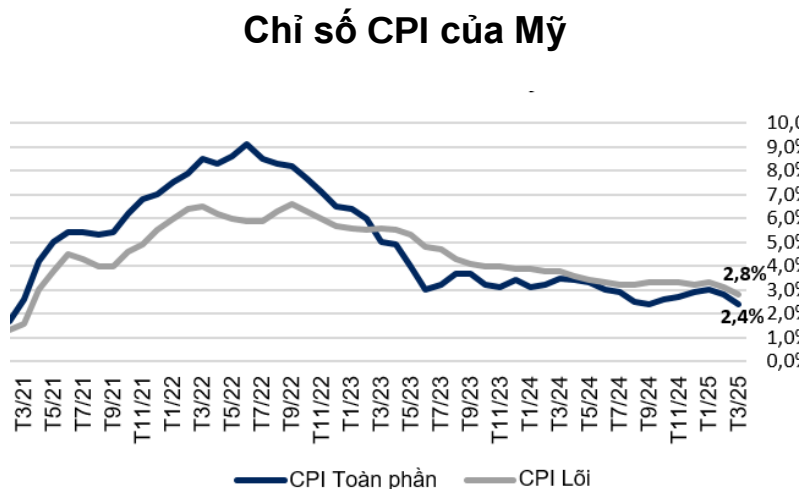


www.vndirect.com.vn

- GDP Q1/25 tăng 6,93% svck, đây là mức tăng cao nhất so với quý 1 các năm trong giai đoạn 2020-2025.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T3/25 của Việt Nam giảm 0,03% mom và tăng 3,13% yoy, nhích tăng so với mức tăng 2,91% yoy của T2/25.
- Theo số liệu của TCTK, tổng sản phẩm GDP Q1/25 tăng 6,93% svck, là mức tăng cao nhất so với quý 1 các năm trong giai đoạn 2020-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%, đóng góp 6,09% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,42%, đóng góp 40,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,70%, đóng góp 53,74%.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T3/25 giảm 0,03% mom và tăng 3,13% yoy, nhích tăng nhẹ so với mức tăng 2,91% yoy của T2/25. Trong khi CPI cơ bản (không gồm giá thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng có giá do nhà nước quản lý) tăng 0,25% mom và tăng 3,1% yoy, cũng nhích tăng so với mức tăng 2,87% yoy của T2/25. Bình quân 3 tháng đầu năm CPI toàn phần tăng 3,22% yoy, CPI cơ bản tăng 3,01% yoy. Trong T3/25 có 8 nhóm hàng hóa tăng giá so với T2/25 trong đó nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng là nhóm tăng cao nhất (tăng 0,5% mom).
- Trong Q1/25 vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội ước đạt 666,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% svck; Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 10,98 tỷ USD, tăng 34,7% svck; Tổng vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ước đạt 4,96 tỷ USD, tăng 7,2% svck.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) T3/25 ngành sản xuất VN của S&P Global tăng lên mức 50,5 điểm từ mức 49,2 điểm của T2/25. Mức điểm tăng và cao hơn mốc 50 điểm cho thấy các điều kiện kinh doanh nói chung của ngành sản xuất của VN đã có sự mở rộng trở lại trong T3/25. Cụ thể theo khảo sát của S&P Global trong T3/25 sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng trở lại, trong khi việc làm và hoạt động mua hàng vẫn giảm.

Nguồn: TCTK, S&P Global, VNDIRECT RESEARCH

Thế Giới: CPI tháng 3 của Mỹ hạ nhiệt và tăng thấp hơn dự báo



www.vndirect.com.vn

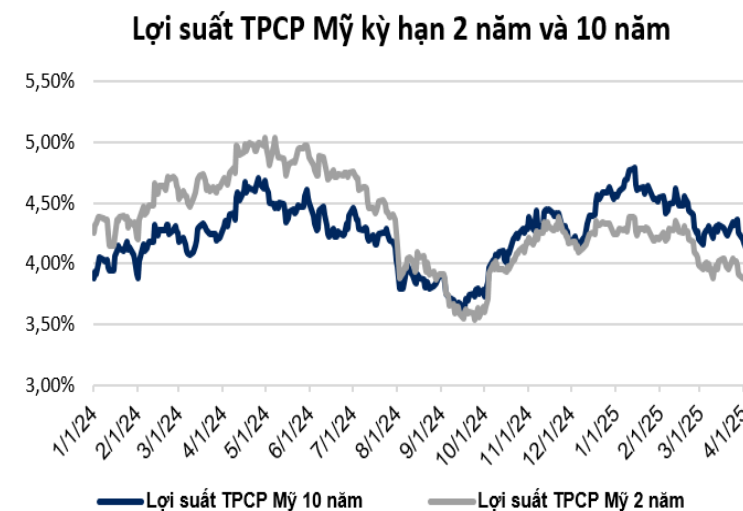
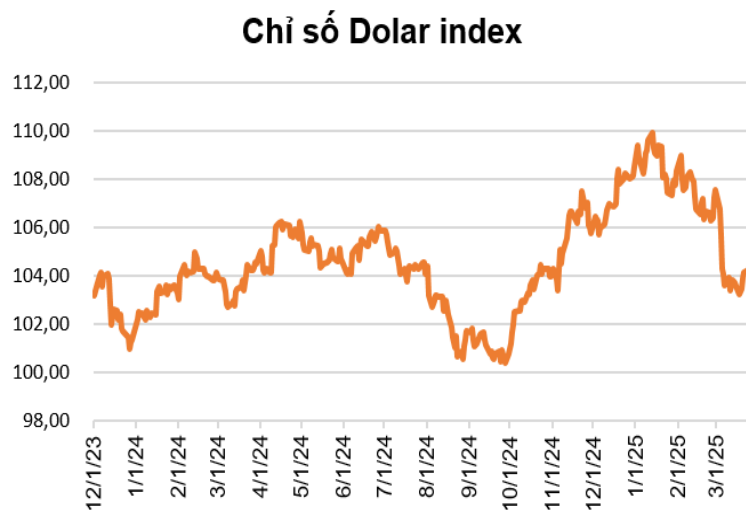
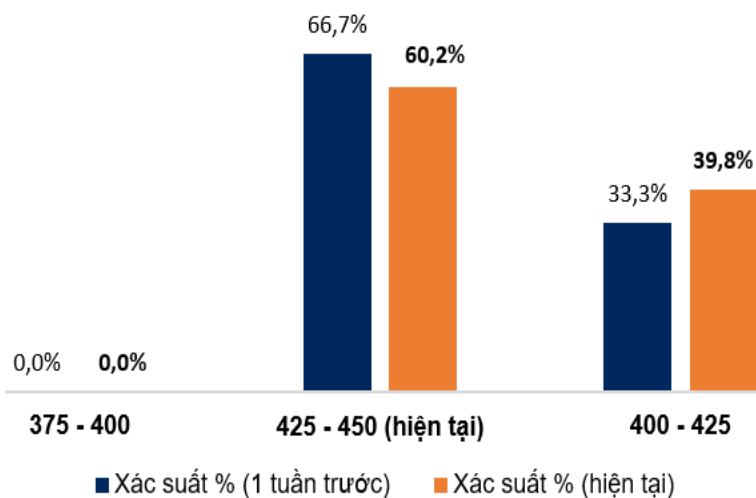
- Mỹ tạm dừng áp thuế đối ứng trong 90 ngày với hơn 75 quốc gia đối tác thương mại trong đó có Việt Nam.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần và CPI lõi T3/25 của Mỹ tăng lần lượt 2,4% yoy và 2,8% yoy, hạ nhiệt so với mức tăng 2,8% yoy và 3,1% yoy của T2/25.
- Ngày 9/4, Tổng thống Mỹ Donald Trump thông báo tạm dừng áp thuế đối ứng trong 90 ngày với hơn 75 quốc gia đối tác thương mại trong đó có Việt Nam. 75 quốc gia này tạm thời được áp dụng mức thuế đối ứng là 10%. Trong khi mức thuế quan với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc được tuyên bố tăng lên, và mức cuối cùng được ghi nhận là mức 145% sau khi Trung Quốc nâng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ lên 125%. Một diễn biến mới là ngày 11/4, chính quyền Tổng thống Trump đã thông báo quyết định miễn thuế đối ứng đối với một số mặt hàng điện tử tiêu dùng bao gồm điện thoại thông minh (smartphone), máy tính xách tay (laptop), ổ cứng, thẻ nhớ, chip bán dẫn và pin mặt trời. Quyết định này được đưa ra nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của các biện pháp thuế quan đến ngành công nghệ Mỹ, đặc biệt là các công ty phụ thuộc vào chuỗi cung ứng toàn cầu như Apple và Nvidia.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần và CPI lõi T3/2025 của Mỹ cùng hạ nhiệt trở lại, trong đó CPI toàn phần giảm 0,1% mom và tăng 2,4% yoy, thấp hơn so với dự báo tăng 0,1% mom và 2,5% yoy của các chuyên gia và hạ nhiệt so với mức tăng 2,8% yoy của T2/2025. Trong khi CPI lõi tăng 0,1% mom và tăng 2,8% yoy, thấp hơn so với dự báo tăng 0,3% mom và 3% yoy của các chuyên gia và cũng hạ nhiệt so với mức tăng 3,1% yoy của T2/2025. Trong T3/25 nhóm năng lượng giảm mạnh (-2,4% mom) trong khi nhóm thực phẩm tăng 0,4% mom, nhóm hàng hóa không bao gồm thực phẩm và năng lượng tăng 0,1% mom. Chỉ số giá sản xuất (PPI) của Mỹ cũng hạ nhiệt trong T3/25 khi PPI toàn phần giảm 0,4% mom và tăng 2,7% yoy, hạ nhiệt so với mức tăng 3,2% yoy của T2/25. PPI lõi T3/25 giảm 0,1% mom và tăng 3,3% yoy hạ nhiệt so với mức tăng 3,5% yoy của T2/25. *Nguồn: SBV, VNDIRECT RESEARCH*

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp T5/2025

60,2% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành và 39,8% dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 5.2025.

DXY đóng cửa ở mức 99,78 điểm, giảm 3,15% wow và giảm 8,03% so với đầu năm 2025 (ytd).

Lãi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 3,97% tăng 32 bps wow và giảm 26,7 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,5% tăng 50,3 bps wow và giảm 7 bps ytd



Tuần qua chỉ số DXY ghi nhận tuần giảm mạnh nhất kể từ năm 2022 nguyên nhân chính là do căng thẳng thương mại leo thang giữa Mỹ và Trung Quốc, cùng với lo ngại về dòng vốn rút khỏi thị trường Mỹ và sự không ổn định trong chính sách kinh tế của chính quyền Tổng thống Donald Trump. Các nhà giao dịch cũng gia tăng dự báo số lần Fed sẽ cắt giảm lãi suất trong năm 2025 lên 3 lần từ mức 2 lần trước đó (cuộc họp tháng 5/2025 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 07/05/25 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Tư 16/04/2025	Mỹ	Doanh số bán lẻ T3.2025 Chủ Tịch Fed Jerome Powell phát biểu
Thứ Năm 17/04/2025	EU	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất của ECB kỳ họp T4.2025
	Việt Nam	Đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 4.2025

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế	- Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. - Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024	- Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. - Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. - Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. - Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

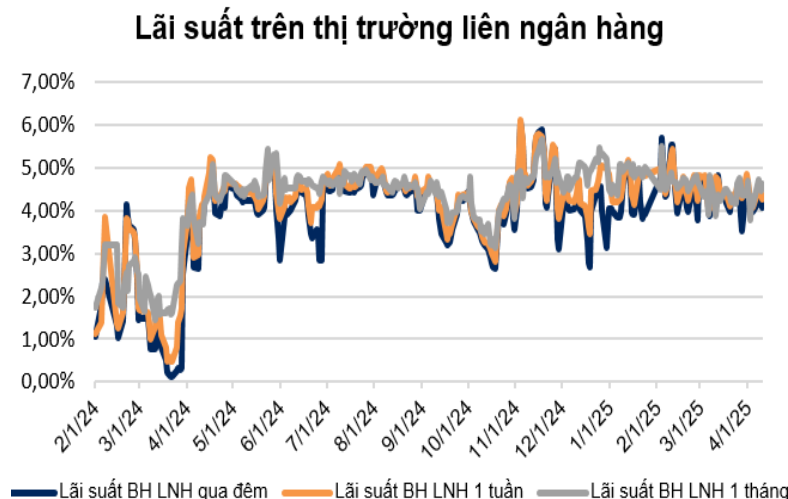
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

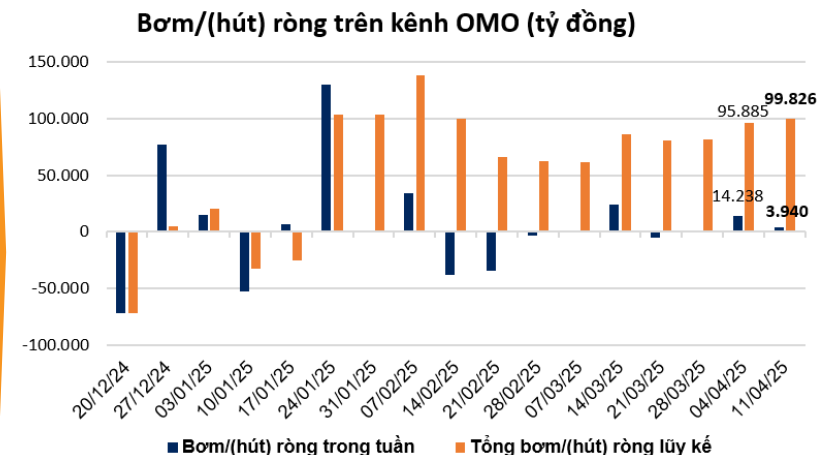


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Tỷ giá USD – VND ổn định trở lại

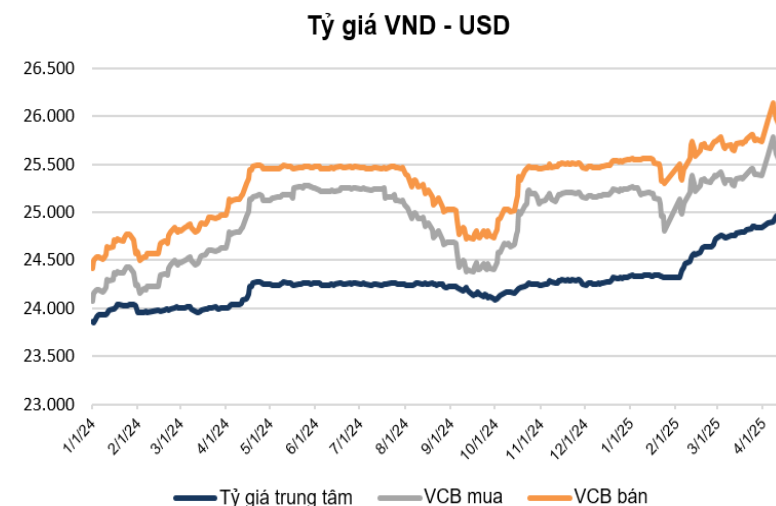
Lãi suất LNH biến động quanh vùng cân bằng. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 4,07% (+ 8 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,28% (+ 8 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,62% (+ 29 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 10/04/2025)



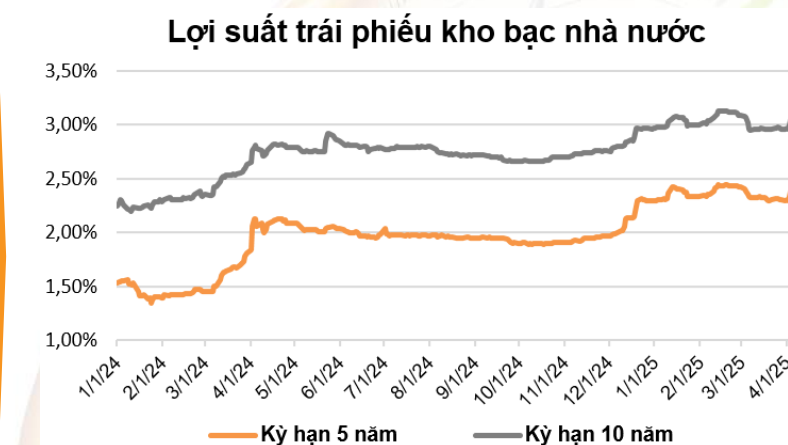
NHNN duy trì bơm ròng trên kênh OMO. Kết tuần NHNN bơm ròng 3.940 tỷ đồng. Hiện tổng giá trị bơm ròng lũy kế là 99.826 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND điều chỉnh. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.560 đ và 25.820 đ giảm 0,15% so với tuần trước và tăng 1,44% tính từ đầu năm 2025 (theo giá bán) (ytd). Tỷ giá trung tâm hiện là 24.923 đ, tăng 0,15% wow và tăng 2,42% ytd

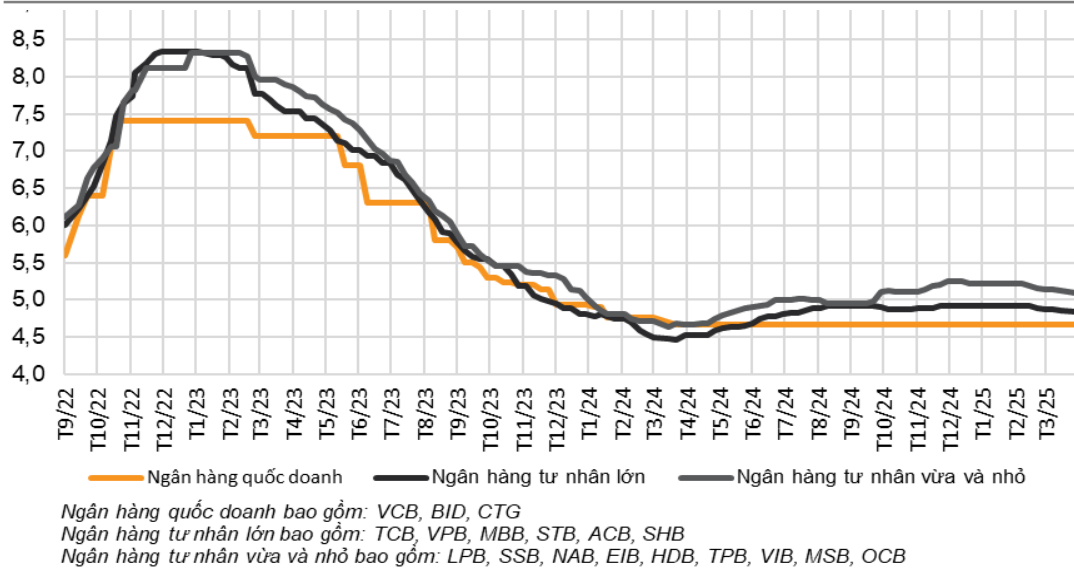


Lợi suất TP KBNN tăng nhẹ, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 3,04%, tăng 2 bps so với tuần trước (wow) và tăng 7 bps kể từ đầu năm 2025 (ytd), lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 2,37% không đổi so với tuần trước và tăng 8 bps ytd.

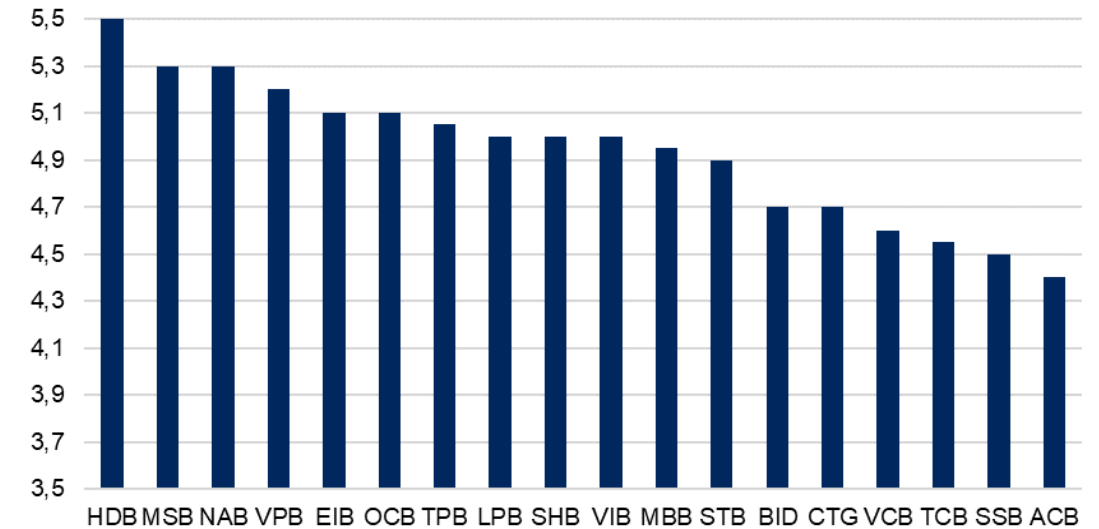


Một số NHTM tư nhân nhỏ giảm lãi suất huy động

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

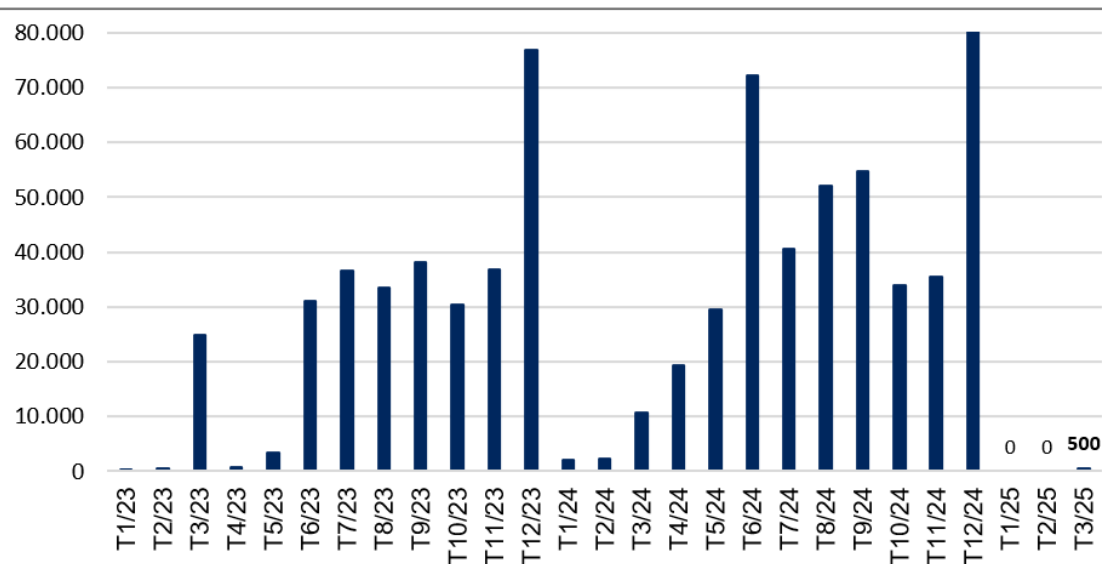


- Trong tuần từ 04/04 – 11/04/2025, VPB, EIB, và OCB giảm 10 điểm cơ bản lãi suất kỳ hạn 12 tháng. Trong khi đó, NAB giảm 20 điểm cơ bản lãi suất kỳ hạn 3 tháng. VPB, EIB và OCB cũng giảm 10 điểm cơ bản lãi suất kỳ hạn 6 tháng.
- Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH quốc doanh giữ nguyên tại 4,67%/năm. Bình quân lãi suất kỳ hạn 12 tháng của các NH tư nhân lớn và NH tư nhân nhỏ đều giảm 2 điểm cơ bản xuống còn lần lượt là 4,83% và 5,09%.

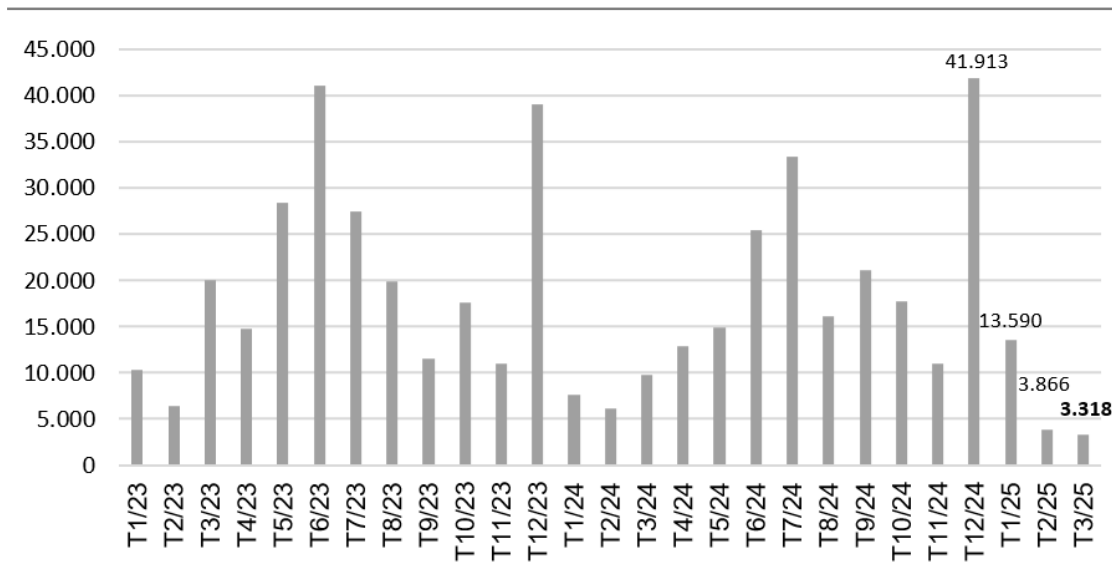
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) tiếp tục trầm lắng trong tháng 3

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 27/03/25



Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 27/03/25

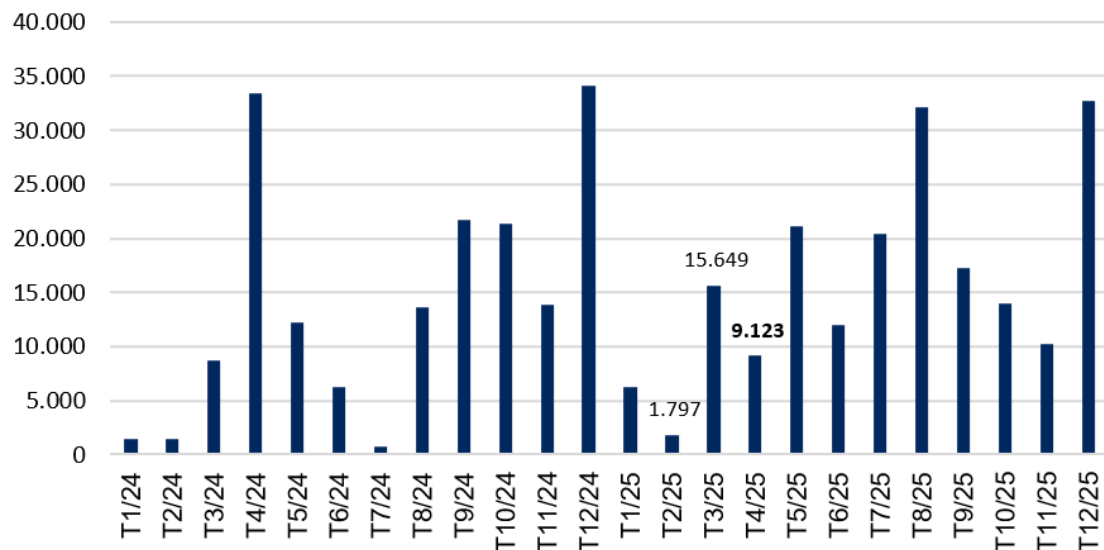


- Theo số liệu được công bố đến ngày 27/03/25, trong T3/25 chỉ có 1 đợt phát hành TPDNRL thành công với giá phát hành là 500 tỷ đồng, giảm 95,3% svck. Đây cũng là đợt phát hành TPDNRL duy nhất tính từ đầu năm 2025 cho đến nay, giảm mạnh so với tổng giá trị phát hành là 15,1 nghìn tỷ đồng trong 3 tháng đầu năm 2024.
- Hoạt động mua lại TPDNRL trước hạn cũng có sự chậm lại T3/25, với tổng giá trị TPDNRL được mua lại trước hạn trong T3/25 đạt hơn 3,3 nghìn tỷ đồng, giảm 14,1% so với tháng trước và giảm 66% svck. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2025 tổng giá trị TPDNRL được mua lại trước hạn đạt hơn 20,7 nghìn tỷ đồng, giảm 11,7% svck.

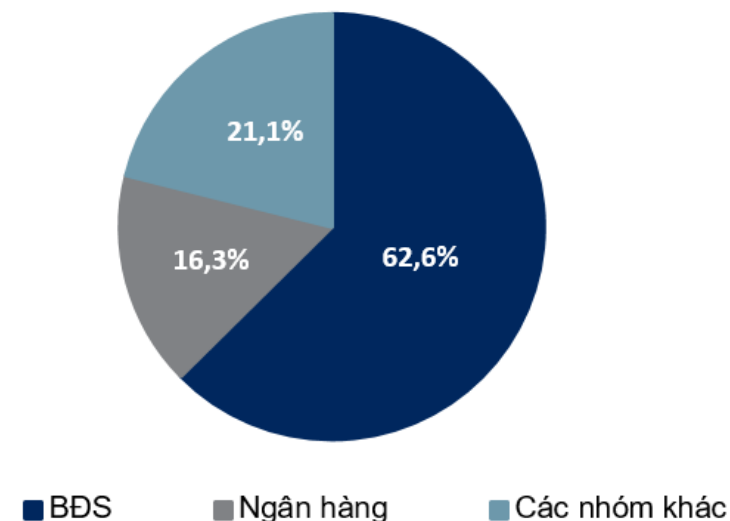
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực TPDN đáo hạn giảm trong tháng 4 trước khi gia tăng trở lại trong tháng 5

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 27/03/25



Ước tính cơ cấu TPDN đáo hạn theo ngành năm 2025 (thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn đến ngày 27/03/2025)



- Theo số liệu của chúng tôi trong T4/25 sẽ có khoảng hơn 9,1 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, giảm 41,7% so với tháng trước. Áp lực đáo hạn giảm trong T4/25 tuy nhiên sẽ gia tăng trở lại trong T5/25.
- Tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2025 ước khoảng hơn 192,4 nghìn tỷ đồng (đã loại trừ số TP đã được mua lại trước hạn và số TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 27/03/25). Trong đó nhóm BĐS là nhóm có giá trị đáo hạn lớn nhất với tổng giá trị đáo hạn là hơn 120 nghìn tỷ đồng, chiếm 62,6% tổng giá trị đáo hạn năm 2025. Đứng thứ 2 là nhóm Ngân hàng, với tổng giá trị đáo hạn là hơn 31 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,3% tổng giá trị đáo hạn năm 2025.

3.3 Thị trường Bất động sản

Dự kiến toàn quốc còn hơn 50% tỉnh thành sau sáp nhập

Theo dự thảo tờ trình Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi), số đơn vị hành chính cấp tỉnh sẽ giảm từ 63 hiện nay xuống còn hơn một nửa:

Đảng ủy Chính phủ sau đó thống nhất trình cấp có thẩm quyền phương án sáp nhập giảm 50% đơn vị hành chính cấp tỉnh và giảm 60-70% đơn vị cấp cơ sở so với hiện nay.

Dự kiến việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh trên cả nước sẽ hoàn tất trước 30/8 và đi vào hoạt động từ tháng 9. Đơn vị hành chính cấp xã sáp nhập xong trước 30/6 và vận hành xã phường mới từ 1/7.

Việc tinh gọn bộ máy, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp không chỉ đơn thuần là vấn đề điều chỉnh địa giới hành chính mà còn là điều chỉnh không gian kinh tế; điều chỉnh về phân công, phân cấp, điều chỉnh về phân bổ và kết hợp các nguồn lực kinh tế. Điều này nhằm tăng động lực giúp phát triển kinh tế xã hội hướng đến các mục tiêu được đề ra. Theo kế hoạch, Đảng ủy Chính phủ sẽ trình Bộ Chính trị đề án sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp để báo cáo Trung ương trước ngày 1/4.

3.3 Thị trường Bất động sản

Đề xuất tăng lợi nhuận chủ đầu tư nhà ở xã hội từ 10% lên 13%

Bộ Xây dựng đang lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội (NOXH):

Bộ Xây dựng đề xuất giao chủ đầu tư dự án NOXH không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để giảm thời gian thực hiện dự án.

Hiện quy định về trình tự thủ tục, thời gian để phát triển một dự án nhà ở xã hội là khá lớn. Thông thường, phải mất gần 300 ngày để lựa chọn nhà đầu tư làm NOXH. Tại một số địa phương, như TPHCM, nếu triển khai linh hoạt các thủ tục song song và áp dụng thời gian thực hiện tối thiểu theo quy định thì tổng thời gian thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cũng là trên 200 ngày.

Việc đấu thầu để lựa chọn chủ đầu tư, mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất với pháp luật về đấu thầu, nhưng doanh nghiệp vẫn phải thực hiện các thủ tục hành chính và mất nhiều thời gian. Trong khi đó, lợi nhuận mang về từ đầu tư NOXH không đủ để hấp dẫn chủ đầu tư.

Hiện nay, chủ đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội bị khống chế lợi nhuận định mức là 10%. Tuy nhiên, con số đó không đủ hấp dẫn. Vì vậy chủ đầu tư đề xuất tăng lợi nhuận đầu tư NOXH lên mức 13%. Ngoài ra, Bộ Xây dựng giao chủ đầu tư dự án NOXH không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

3.4 Thị trường hàng hóa

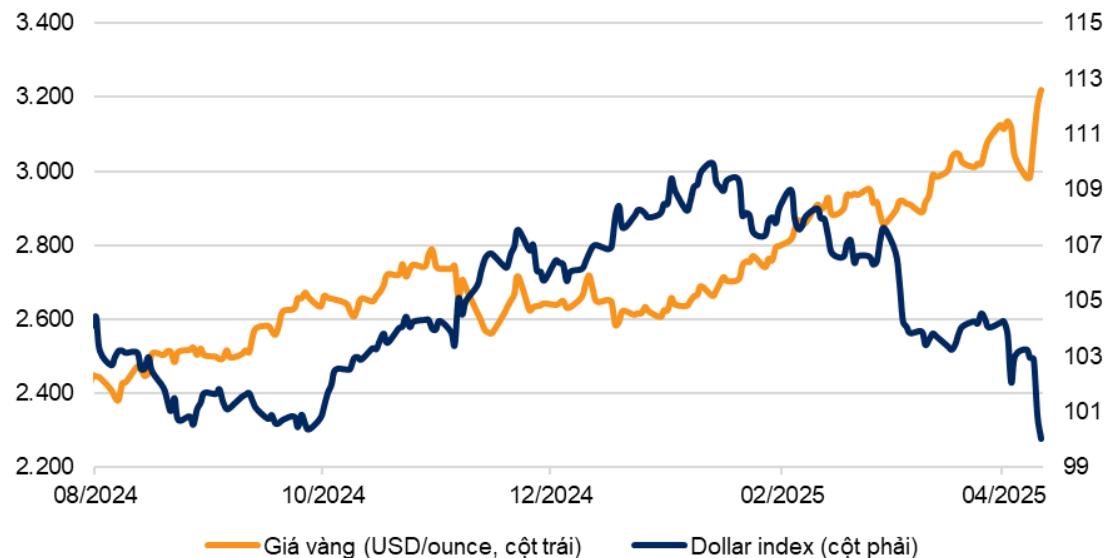
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 11/04/2025):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2025	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	-1,25%	-6,90%	-27,84%	-14,71%	
	Khí LNG	-3,69%	-18,18%	7,20%	-27,41%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	-2,22%	-9,58%	-26,33%	-23,88%	
	Quặng sắt	-2,78%	-2,60%	-6,96%	-2,35%	
	Đồng	2,75%	-4,58%	6,35%	12,34%	
	Niken	2,15%	-8,73%	-15,69%	-0,02%	
	PVC	-3,42%	2,49%	-15,15%	0,18%	
	Cao su	-7,55%	-12,41%	-13,56%	-22,36%	
	Gỗ	-3,13%	-11,57%	5,23%	6,01%	
Nông nghiệp	Urê	-0,65%	-5,59%	18,75%	2,98%	
	Lúa Mỳ	5,06%	2,73%	0,72%	1,83%	
	Gạo tằm 5%	-0,12%	0,60%	-31,96%	-21,78%	
	Đường	-4,46%	-3,59%	-13,67%	-8,77%	
	Thịt lợn	2,33%	-10,69%	17,79%	4,46%	
Kim loại quý	Vàng thời	6,56%	11,03%	36,46%	21,81%	

3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng lập đỉnh do căng thẳng thương mại và dự địa để FED cắt giảm lãi suất tăng

Tính đến ngày 11/04, giá vàng thế giới đạt 3.237 USD/oz, tăng 6,5% sv tuần trước và 11,0% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 102,2-105,2 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua-bán, lần lượt tăng 3,4%/3,9% sv tuần trước

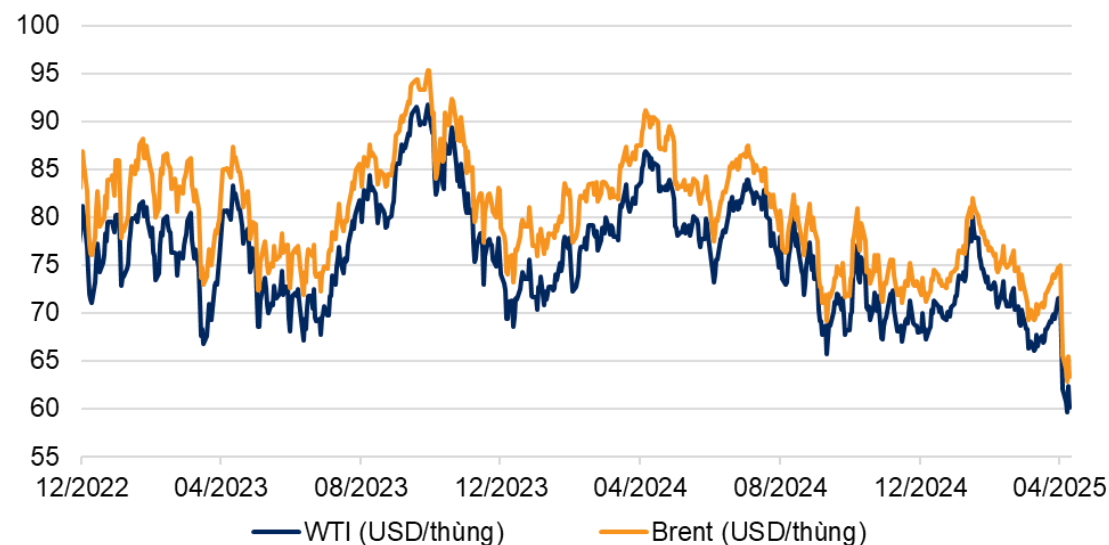


- Giá vàng thế giới quay đầu tăng mạnh trong tuần qua, được thúc đẩy bởi đồng đô la Mỹ yếu hơn và nhu cầu cho tài sản trú ẩn tiếp tục tăng khi cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung leo thang. Trung Quốc nâng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ lên 125% kể từ ngày 12/04 và tuyên bố sẽ bỏ qua các phản ứng tiếp theo của Mỹ sau một loạt các đợt tăng thuế của Nhà Trắng lên tới 145%. Các biện pháp này dự kiến sẽ tác động đến gần 700 tỷ USD giá trị hàng hóa giao thương mỗi năm giữa hai quốc gia này. Mặt khác, lạm phát tháng 3 của Mỹ tiếp tục hạ nhiệt, điều này hỗ trợ cho kế hoạch cắt giảm lãi suất của FED, qua đó hỗ trợ tài sản vàng thời.
- Trong nước, giá vàng miếng cũng duy trì đà tăng. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 11/04 ở mức 5,4 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 25.715).

3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô giảm mạnh do rủi ro tiêu thụ yếu vì căng thẳng thương mại và dư thừa nguồn cung từ OPEC+

Tính đến ngày 11/04, giá dầu thô WTI và Brent lần lượt đạt 60,1 và 63,3 USD/thùng, giảm 0,8% và 3,0% sv tuần trước



Tồn kho dầu thô tại Mỹ tăng ròng gần 2,6 triệu thùng vào tuần kết thúc ngày 4/4



- Giá dầu thô đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 4/2021, do căng thẳng thương mại Mỹ-Trung gia tăng gây lo ngại sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, qua đó nhu cầu tại hai thị trường tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới này sẽ suy yếu. Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cũng cắt giảm triển vọng tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu và cảnh báo rằng căng thẳng thương mại có thể gây thêm áp lực tiêu cực cho sức tiêu thụ của cả Mỹ và thế giới. Tồn kho dầu thô của Mỹ (thị trường tiêu thụ dầu thô lớn thứ hai thế giới) trong hai tuần ghi nhận dữ liệu gần nhất ghi nhận tăng ròng 8,7 triệu thùng, sau chỉ một tuần ghi nhận giảm ròng 3,3 triệu thùng.
- Trong khi đó, OPEC+ đã bất ngờ đẩy nhanh kế hoạch tăng sản lượng dầu, làm gia tăng lo ngại về tình trạng dư cung tiềm ẩn. Cụ thể, OPEC+ đã tuyên bố sẽ khôi phục sản lượng dầu với tốc độ gấp ba lần so với dự kiến vào tháng 5, ngay sau khi Trump đưa ra loạt thuế quan thương mại.

Nguồn: Bloomberg, EIA, Vndirect Research

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2025	1 năm
Dow Jones	Mỹ	4,95%	-3,07%	-5,48%	5,87%
S&P 500	Mỹ	5,70%	-4,89%	-8,81%	4,68%
Nasdaq	Mỹ	7,29%	-5,80%	-13,39%	3,40%
Euro Stoxx 50	EU	-1,87%	-11,42%	-2,22%	-3,39%
FTSE 100	Anh	-1,13%	-7,74%	-2,56%	-0,39%
Nikkei 225	Nhật Bản	-0,58%	-9,36%	-15,81%	-15,02%
Shanghai	Trung Quốc	-3,11%	-5,30%	-3,39%	7,24%
Hang Seng	Trung Quốc	-8,47%	-12,71%	4,26%	25,08%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-8,31%	-11,10%	-15,22%	-5,82%
SET	Thái Lan	0,31%	-3,84%	-19,39%	-19,17%
KOSPI	Hàn Quốc	-1,33%	-5,21%	1,38%	-9,29%
Malaysia Top 100	Malaysia	0,02%	-4,13%	-13,57%	-5,67%
STI Index	Singapore	0,02%	-8,47%	-8,09%	8,91%
IDX Composite	Indonesia	-3,82%	-3,89%	-11,55%	-14,06%
PHS All Shares	Philippine	0,02%	-2,15%	-3,38%	4,13%
VN30	Việt Nam	2,30%	-5,56%	-2,59%	1,96%
VN100	Việt Nam	1,40%	-7,46%	-4,76%	-1,79%

Thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục trải qua một tuần giao dịch nhiều biến động trước những quyết định của tổng thống Donald Trump về chính sách thuế quan của Mỹ với các đối tác thương mại. Các chỉ số chính đã giảm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần, tuy nhiên đã có sự phục hồi trong các phiên giao dịch sau đó. Kết tuần cả 3 chỉ số chính của Mỹ đều có sự phục hồi, trong đó Nasdaq tăng hơn 7%, S&P 500 tăng hơn 5% và Dow Jones tăng gần 5%.

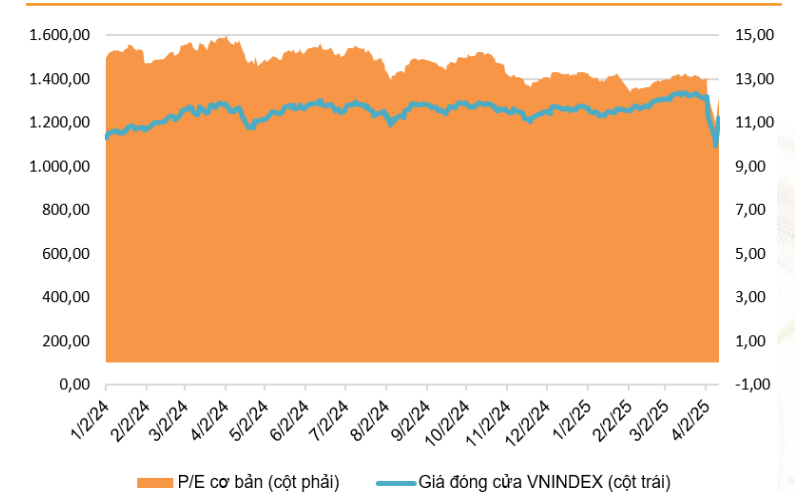
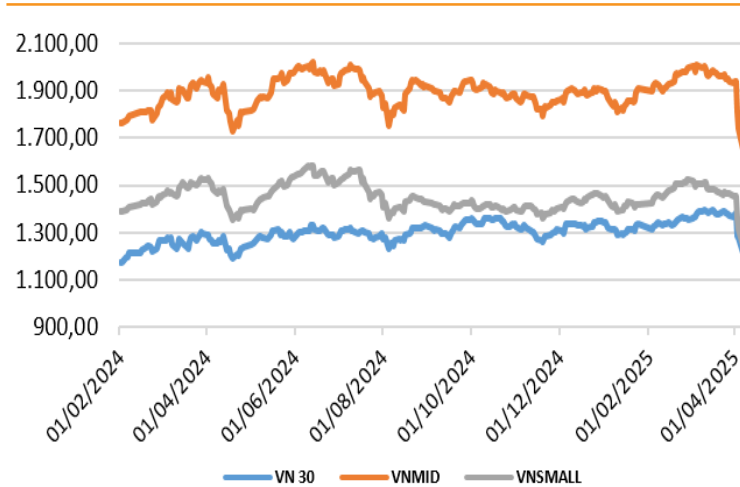
Trong khi nhiều thị trường chứng khoán châu Á vẫn ghi nhận thêm 1 tuần giảm điểm mạnh, trong đó chỉ số Hang Seng của Trung Quốc và chỉ số Taiwan Weighted của Đài Loan cùng ghi nhận mức giảm hơn 8%, chỉ số IDX Composite của Indonesia giảm gần 4%...

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường phục hồi với thanh khoản duy trì ở mức cao

VN-Index phục hồi, kết tuần tại mức 1.222,46 điểm, tăng 0,97% sv tuần trước.

Chỉ số VN30 tăng 2,3%, trong khi chỉ số VNMID và VNSML giảm với mức giảm lần lượt là 1,24% và 1,14%.

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 12,1x.



- Với 2 phiên tăng điểm mạnh sau 2 phiên giảm điểm mạnh trước đó, VN-Index ghi nhận 1 tuần phục hồi sau tuần giảm điểm mạnh trước đó. Kết tuần VN-index tăng 11,79 điểm (+0,97%) lên 1.222,46 điểm. Thanh khoản giao dịch duy trì ở mức cao, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 1.071 triệu cp/phiên, tăng 1,8% so với tuần trước và cao hơn 29,5% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại duy trì bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 1.336 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán chuyển sang bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 4.931 tỷ đồng.
- Các mã VIC và VHM là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 6,23 điểm và 3,15 điểm. Ở chiều ngược lại GVR và BCM là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 1,58 điểm và 1,44 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm 2025 (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	0,9%	-14,4%	-12,5%	25,3	2,68	-7,5%
Bảo hiểm	0,0%	0,0%	0,0%	13,2	1,35	0,0%
Bất động sản	3,5%	4,1%	16,9%	17,9	1,36	7,6%
Công nghệ TT	4,3%	-13,0%	-21,8%	22,1	4,34	28,8%
Dầu khí	-3,1%	-19,4%	-16,5%	21,2	1,06	21,9%
Dịch vụ tài chính	-1,1%	-11,0%	-2,1%	16,8	1,34	-2,6%
Hóa chất	-3,0%	-18,8%	-14,1%	17,1	1,60	3,9%
Ngân hàng	1,6%	-7,5%	0,4%	9,3	1,47	3,0%
Tài nguyên cơ bản	-3,8%	-9,4%	8,4%	19,3	1,40	0,0%
Thực phẩm&Đồ uống	3,2%	-8,6%	-12,4%	16,74	2,62	7,9%
Viễn thông	12,3%	-13,6%	-21,9%	29,6	5,45	17,4%
Xây dựng & Vật liệu	0,0%	-11,5%	-5,7%	17,9	1,34	10,1%
VN-Index	0,97%	-8,39%	-3,50%	12,12	1,58	1,8%

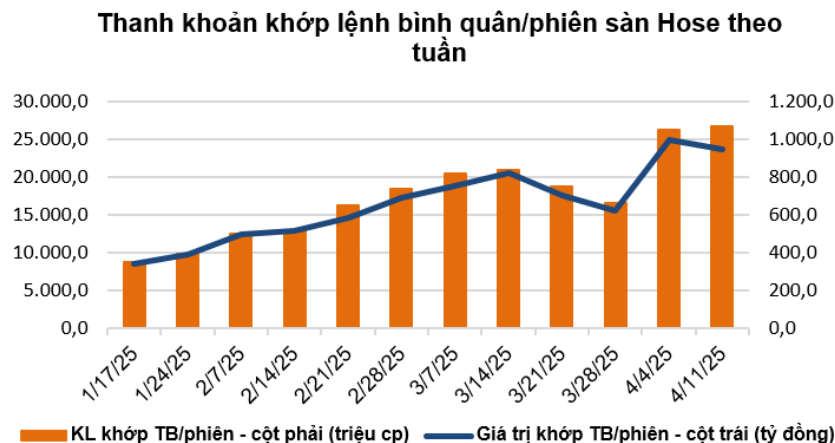
Thị trường phục hồi với thanh khoản duy trì ở mức cao ở nhiều nhóm ngành.

Nhóm cổ phiếu Bất động sản phục hồi ấn tượng nhờ nhóm cổ phiếu Vingroup, trong đó VIC (+11,7%), VHM (+6,4%), VRE (+3,2%), NVL (+1,8%)...Nhóm Ngân hàng cũng ghi nhận sự phục hồi và đóng góp nhiều điểm số cho thị trường chung với nhiều mã tăng trong đó OCB (+4,9%), MBB (+4,5%), ACB (+4,4%), LPB (+3,8%), TCB (+3,5%)...

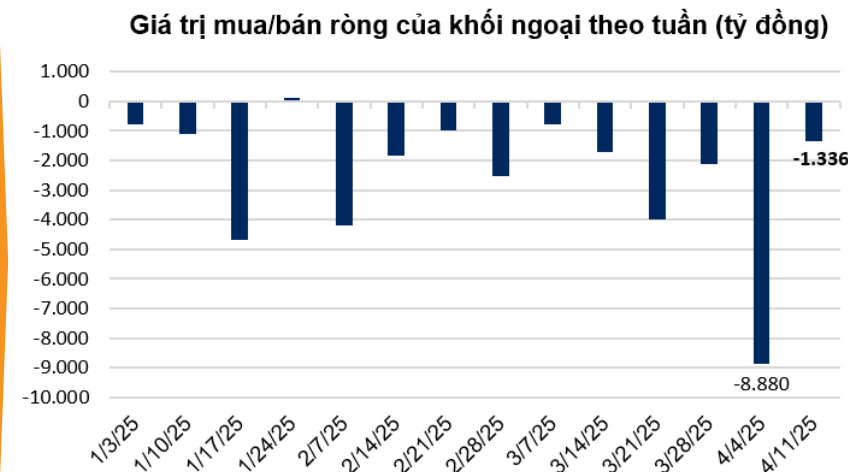
Ở chiều ngược lại nhóm cổ phiếu Dầu khí và nhóm Hóa chất vẫn ghi nhận thêm 1 tuần điều chỉnh và là 2 nhóm có hiệu suất thấp nhất trong 1 tháng qua, trong đó giảm mạnh nhất trong tuần qua là PVD (- 6,3%), BSR (- 3,6%), CSV (-3,3%), DGC (-1,1%), GAS (-1%)...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản duy trì ở mức cao

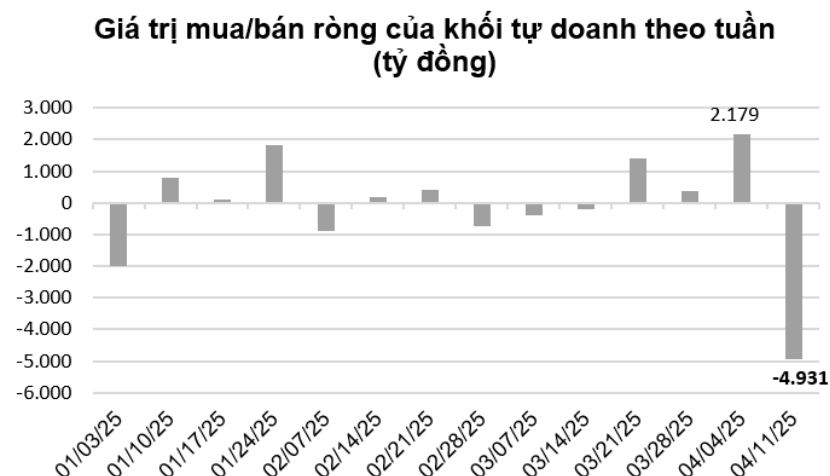
Thanh khoản khớp lệnh duy trì ở mức cao, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 1.071 triệu cp/phần, tăng 1,8% sv tuần trước và cao hơn 29,5% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



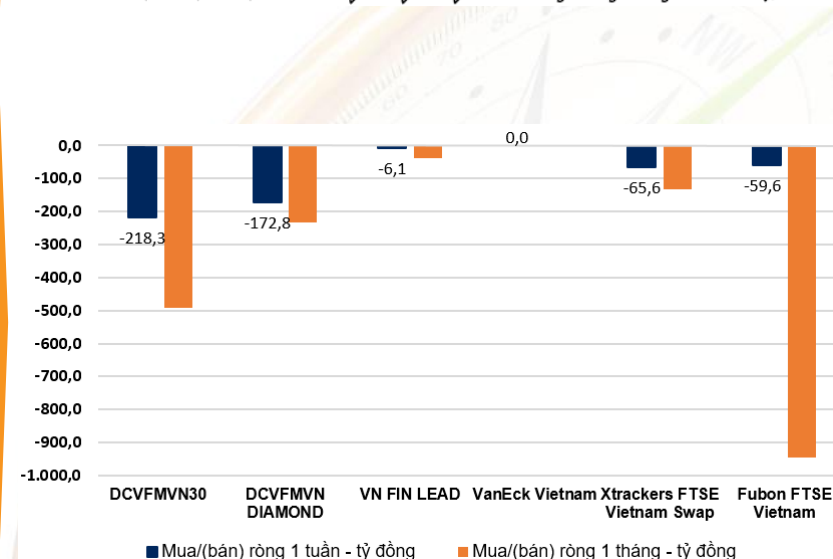
Nhà đầu tư nước ngoài duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là 1.336 tỷ đồng.



Khối tự doanh chuyển sang bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối tự doanh là 4.931 tỷ đồng.

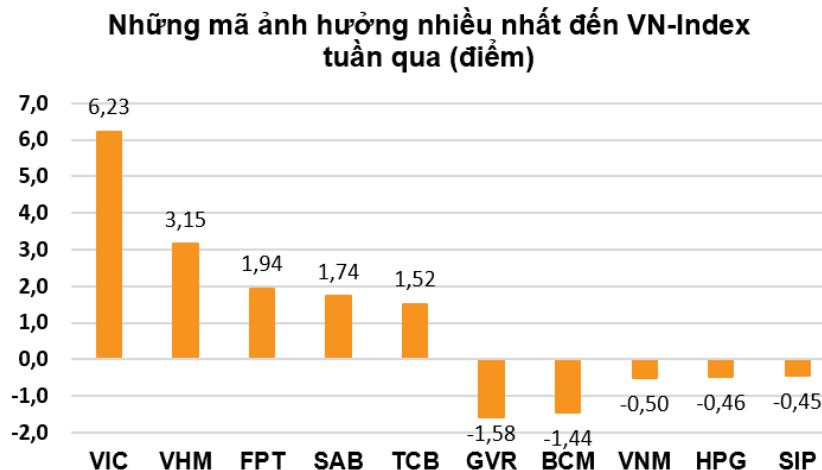


Một số quỹ ETF thực hiện bán ròng trong tuần qua. Trong đó quỹ DCVFMVN30 bán ròng nhiều nhất với giá trị bán ròng là hơn 218 tỷ đồng.

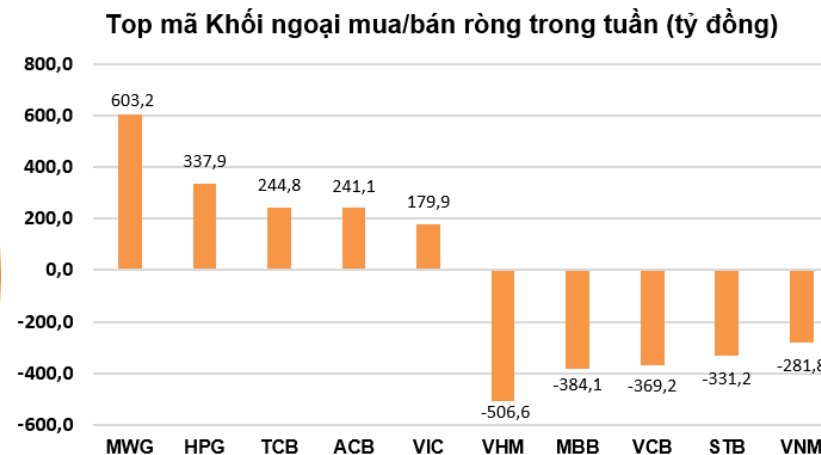


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản duy trì ở mức cao

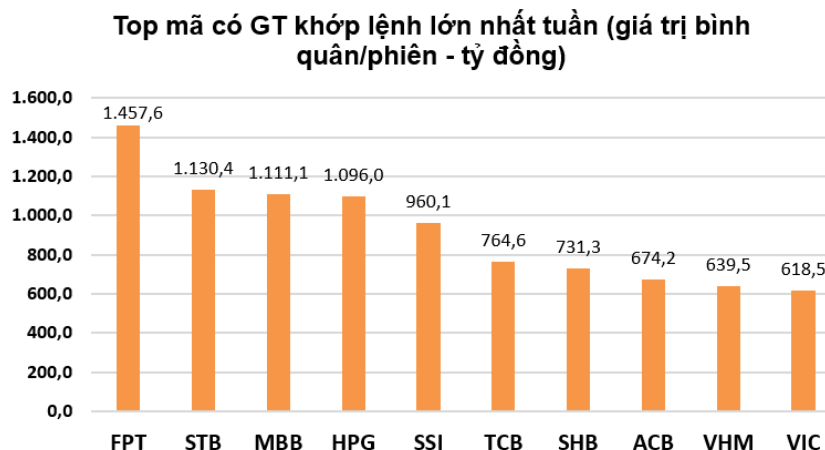
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex – điểm)



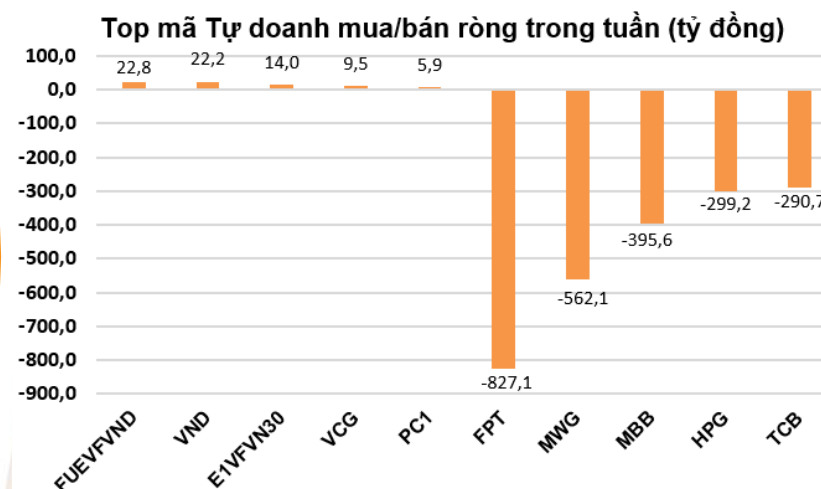
Trong tuần từ 08/04-11/04/2025 MWG là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 603 tỷ đồng. Trong khi VHM là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 506 tỷ đồng.



FPT tiếp tục là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp lệnh trung bình là hơn 1.457 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã STB và MBB với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 1.130 tỷ đồng và hơn 1.110 tỷ đồng



Trong tuần từ 08/04-11/04/2025 CCQ FUEVFNND là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 22 tỷ đồng, trong khi FPT là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 827 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	POW	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-0,9%	-6,6%	14.900	31,9%
2	PC1	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-1,2%	-11,4%	27.100	29,4%
3	BMP	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	8,8%	-0,9%	140.000	12,2%
4	VCB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,3%	2,1%	74.800	25,1%
5	HDB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,5%	-2,1%	34.900	68,6%
6	MWG	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,2%	-18,4%	72.100	36,3%
7	FPT	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	4,9%	-18,3%	196.600	65,9%
8	ACV	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	9,7%	-21,7%	133.500	41,0%
9	BCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-8,9%	-17,1%	82.800	38,7%
10	IDC	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-9,9%	-26,4%	62.700	64,6%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
11	HAH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,9%	3,0%	55.900	9,6%
12	GMD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-5,6%	-23,3%	73.700	60,2%
13	KDH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,8%	-19,5%	41.300	50,2%
14	PVD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-6,3%	-19,6%	30.900	71,7%
15	PLX	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,0%	-11,1%	46.100	30,4%
16	DCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,7%	-14,3%	42.700	48,3%
17	HPG	08/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	-1,2%	-3,9%	41.000	68,7%
18	KBC	05/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	-7,2%	-19,7%	40.000	68,8%
19	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-1,7%	-12,4%	82.600	43,7%
20	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	5,9%	0,6%	65.100	37,7%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
21	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	-4,9%	-25,6%	34.000	134,5%
22	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	6,4%	36,2%	66.400	24,1%
23	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-1,1%	-26,6%	114.400	59,6%
24	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,0%	-8,2%	23.700	35,8%
25	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,0%	-32,1%	95.100	58,8%
26	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-3,1%	-30,0%	35.700	62,3%
27	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	-2,0%	-30,2%	45.800	56,3%
28	STB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	1,2%	8,6%	41.500	9,6%
29	TPB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	3,5%	-20,2%	21.000	59,1%
30	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	1,8%	-10,9%	19.500	71,1%

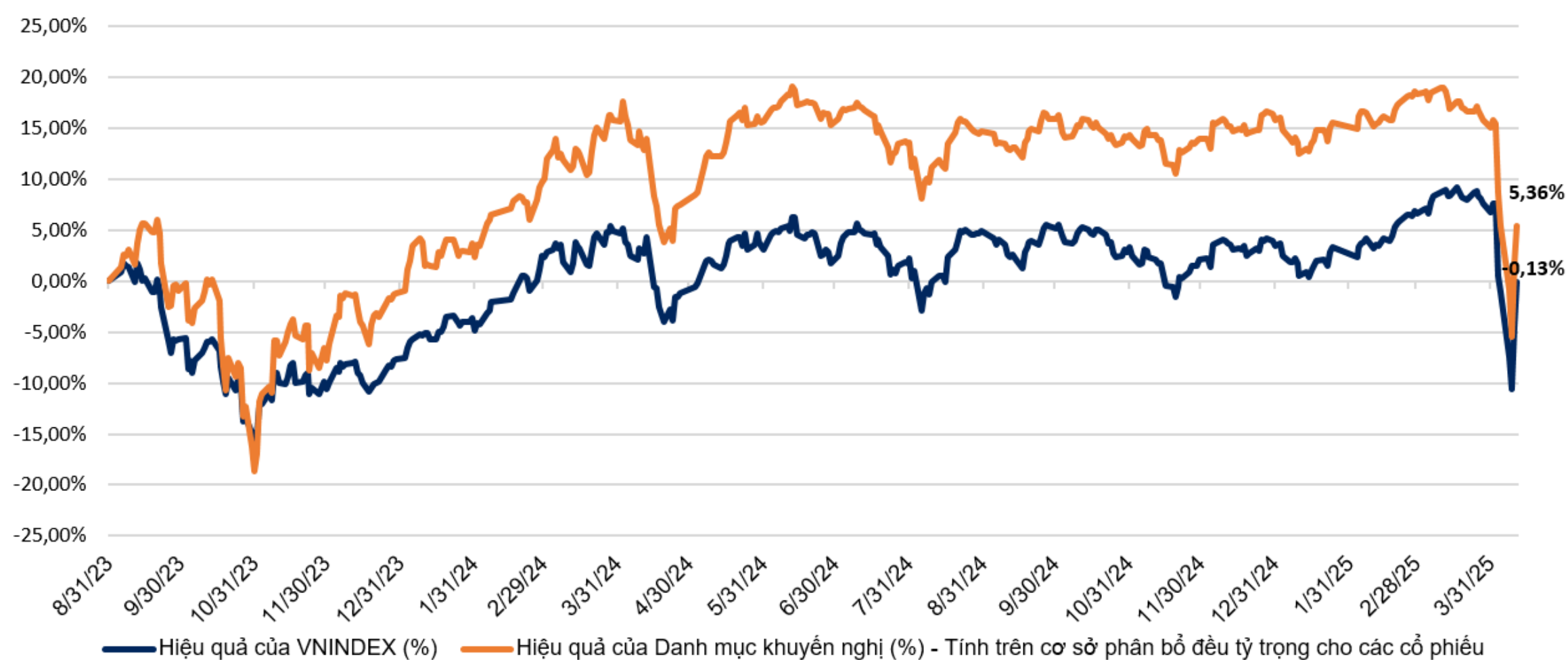
Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
2	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
3	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
4	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
5	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
6	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
7	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
8	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
9	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
10	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
11	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
12	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
13	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
14	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Hoạt động thương mại phục hồi	48.000	14/11/2024
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	26.800	18/12/2024
17	CTD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		78.900	05/02/2025
18	CTG	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24		39.900	07/02/2025
19	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24		61.200	20/02/2025
20	BAF	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		32.000	24/02/2025
21	VIB	05/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024		21.2000	05/03/2025
22	MBB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		24.700	07/03/2025

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH

Email: research@vndirect.com.vn

